

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỒNG PHÚ
TỈNH BÌNH PHƯỚC
Bản án số: 37/2020/DS-ST

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ngày 29-9-2020

“*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG PHÚ- TỈNH BÌNH PHƯỚC

- *Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Quang Thìn
2. Ông Đồng Văn Hóa

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đào Thị Quỳnh Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:* Ông Lê Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 29/9/2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 46/2020/TLST-DS ngày 02/6/2020 về “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2020/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2020/QĐST- DS ngày 14/9/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:* **Ngân hàng; ; Trụ sở: Số 2 L, quận B, thành phố H

Đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Anh Đ – Chức vụ: Giám đốc. Trụ sở: Số 711, quốc lộ 14, phường T, thành phố Đ, tỉnh B. Ủy quyền lại cho ông Nguyễn Quốc T1 – Giám đốc phòng giao dịch L tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 20/2/2020 (*xin vắng mặt*)

Bị đơn:* Ông **Phạm Hồng T, sinh năm 1956 (có mặt)

Bà **Dương Thị L**, sinh năm 1959 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ 1, ấp T, xã P, huyện Đ, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Quốc Thắng trình bày:

Về khoản nợ: Ngày 12/12/2018, Ngân hàng và ông Phạm Hồng T, bà Dương Thị L có ký hợp đồng tín dụng số 5600-LAV-201802858/HĐTD, theo đó Ngân hàng cho ông T và bà L vay số tiền là 100.000.000 đồng. Lãi suất thỏa thuận là 10,2%/năm. Lãi quá hạn là 15,3%/năm. Hạn trả là ngày 12/12/2019.

Ông T bà L mới trả lãi cho Ngân hàng đến ngày 12/6/2019, sau đó ngưng trả tiền lãi và gốc mặc dù Ngân hàng cũng đã nhắc nhở nhiều lần.

Ngân hàng yêu cầu ông Phạm Hồng T, bà Dương Thị L phải có trách nhiệm trả Ngân hàng số tiền gốc đã vay là 100.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 5.113.973 đồng; tiền lãi quá hạn là 12.240.000 đồng và tiền lãi chậm trả là 414.800 đồng (tính từ ngày 13/12/2019 đến ngày 29/9/2020). Tổng số tiền phải gốc, lãi trả là 117.768.773 đồng và tiếp tục phải trả số tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng kể từ ngày 29/9/2020 cho đến khi trả hết nợ.

Về tài sản thế chấp: Ông T, bà L có thế chấp cho Ngân hàng mảnh đất diện tích 9.224,5m², thuộc thửa đất số 34, tờ bản đồ số 39. Đất tọa lạc tại tổ 1, ấp T, xã P, huyện Đ, tỉnh B có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: (CH) 01607/ xã Thuận Phú do UBND huyện Đồng Phú ký cấp ngày 03/7/2014 mang tên ông Phạm Hồng T, bà Dương Thị L; tài sản gắn liền với đất gồm căn nhà cấp 4, cây cao su trồng trên đất hiện ông T, bà L đang quản lý.

Trường hợp ông T và bà L không thực hiện trả nợ theo quy định thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp nói trên để thu hồi nợ.

Ngoài ra, nguyên đơn không có yêu cầu nào khác.

****Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Phạm Hồng T trình bày:***

Ông Phạm Hồng T và bà Dương Thị L là vợ chồng. Ông T thừa nhận:

Về khoản nợ: Ngày 12/12/2018, ông T và bà Dương Thị L có vay của Ngân hàng, phòng giao dịch L số tiền là 100.000.000 đồng. Lãi suất thỏa thuận là 10,2%/năm. Lãi quá hạn là 15,3%/ năm. Mục đích vay để sửa chữa nhà cửa. Hạn trả là ngày 12/12/2019. Hai bên có ký kết hợp đồng tín dụng theo trình bày của Ngân hàng là đúng.

Ông T và bà L đã trả lãi đến ngày 12/6/2019, sau đó ngưng trả vì kinh tế gặp khó khăn do phải chữa trị bệnh cho cha, sau đó cha ông T chết nên ông không có tiền trả tiền lãi và gốc. Hiện tại vợ chồng ông T cũng chưa trả được tiền gốc và lãi cho Ngân hàng.

Ông T cũng đồng ý trả cho Ngân hàng số tiền gốc đã vay là 100.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 5.113.973 đồng; tiền lãi quá hạn là 12.240.000 đồng và tiền lãi chậm trả là 414.800 đồng (tính từ ngày 13/12/2019 đến ngày 29/9/2020). Tổng số tiền phải gốc, lãi trả là 117.768.773 đồng và tiếp tục phải trả số tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử cho đến khi trả hết nợ.

Về tài sản thế chấp: Vợ chồng ông T có thế chấp cho Ngân hàng mảnh đất có diện tích 9.224,5m², thuộc thửa đất số 34, tờ bản đồ số 39. Đất tọa lạc tại tổ 1, ấp T, xã P, huyện Đ, tỉnh B có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: (CH) 01607/ xã Thuận Phú do UBND huyện Đồng Phú ký cấp ngày 03/7/2014 mang tên ông Phạm Hồng T, bà Dương Thị L và

toàn bộ tài sản trên đất (nhà cấp 4, cây cao su) hiện ông bà đang quản lý, không có tranh chấp với ai. Trường hợp, không trả được tiền thì ông T đồng ý để Ngân hàng phát mãi tài sản để thu hồi nợ.

****Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn bà Dương Thị L trình bày:***

Bà Dương Thị L là vợ của ông Phạm Hồng T. Bà L thừa nhận:

Về khoản nợ: Ngày 12/12/2018, ông T và bà Dương Thị L có vay của Ngân hàng, phòng giao dịch L số tiền là 100.000.000 đồng. Lãi suất thỏa thuận là 10,2%/năm. Lãi quá hạn là 15,3%/ năm. Hạn trả là ngày 12/12/2019.

Bà L thống nhất với lời trình bày của ông T và Ngân hàng về khoản tiền vay, mục đích vay, lãi xuất vay, số tiền lãi đã và số tiền gốc, lãi còn nợ chưa trả. Bà L cũng đồng ý trả cho Ngân hàng số tiền gốc đã vay là 100.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn, chậm trả như đã ký hợp đồng tín dụng đã ký kết theo yêu cầu của Ngân hàng.

Về tài sản thế chấp: Bà và ông T có thế chấp cho Ngân hàng mảnh đất có diện tích 9.224,5m², thuộc thửa đất số 34, tờ bản đồ số 39. Đất tọa lạc tại tổ 1, ấp T, xã P, huyện Đ, tỉnh B có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: (CH) 01607/ xã Thuận Phú do UBND huyện Đồng Phú ký cấp ngày 03/7/2014 mang tên ông Phạm Hồng T, bà Dương Thị L và toàn bộ tài sản trên đất (nhà cấp 4, cây cao su) hiện ông bà đang quản lý, không có tranh chấp với ai. Trường hợp, không trả được tiền thì bà L đồng ý để Ngân hàng phát mãi tài sản để thu hồi nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 463, 466, 468 BLDS 2015 chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông Phạm Hồng T và bà Dương Thị L phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền gốc là 100.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 5.113.973 đồng; tiền lãi quá hạn là 12.240.000 đồng và tiền lãi chậm trả là 414.800 đồng (tính từ ngày 13/12/2019 đến ngày 29/9/2020). Tổng số tiền phải gốc, lãi trả là 117.768.773 đồng và tiếp tục phải trả số tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử (29/9/2020) cho đến khi trả hết nợ.

Trường hợp ông T, bà L không trả nợ thì Ngân hàng được quyền phát mãi tài sản thế chấp.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của các bên đương sự, kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

-Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn Ngân hàng (sau đây gọi là Ngân hàng) yêu cầu ông Phạm Hồng T và bà Dương Thị L có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng số tiền gốc đã vay là 100.000.000 đồng tiền lãi trong hạn là 5.113.973 đồng; tiền lãi quá hạn là 12.240.000 đồng và tiền lãi chậm trả là 414.800 đồng (tính từ ngày 13/12/2019 đến ngày xét xử 29/9/2020). Tổng số tiền phải gốc, lãi trả là 117.768.773 đồng và tiếp tục phải trả số tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử cho đến khi trả hết nợ. Vì vậy, đây là vụ án "Tranh chấp về hợp đồng tín dụng" được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

-Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn là ông Phạm Hồng T, bà Dương Thị L đăng ký hộ khẩu tại tổ 1, ấp T, xã P, huyện Đ, tỉnh B. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

-Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã giao Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử Quyết định hoãn phiên tòa cho người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Quốc T1, bị đơn là ông Phạm Hồng T, bà Dương Thị L nhưng ông T1 có đơn xin giải quyết vắng mặt, bà L vắng mặt không có lý do. Xét thấy, cần áp dụng khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt ông T1, bà L.

-Yêu cầu của đương sự:

[1] Xét hợp đồng tín dụng vay vốn số: 5600-LAV-201802858/HĐTD ngày 12/12/2018 được ký kết giữa Ngân hàng và ông Phạm Hồng T, bà Dương Thị L là hợp pháp, vì thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định của Bộ luật dân sự và Luật tổ chức tín dụng nên có giá trị bắt buộc với các bên tham gia giao dịch.

[2] Ngân hàng yêu cầu buộc ông Phạm Hồng T, bà Dương Thị L phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền gốc đã vay là 100.000.000 đồng. Yêu cầu này được người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chứng minh bằng Hợp đồng tín dụng vay vốn số: 5600-LAV-201802858/HĐTD ngày 12/12/2018; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 2018664/HĐTC ngày 11/12/2018, do Văn phòng Công chứng Hoàng Kim Vinh chứng thực ngày 11/12/2018 và đơn khởi kiện khởi kiện của nguyên đơn ngày 20/02/2020.

Nội dung hợp đồng tín dụng: Ông T và bà L vay 100.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm triệu đồng chẵn.*) Ngày vay: 12/12/2018; hạn trả: 12/12/2019. Lãi suất trong hạn: 10,2%/năm. Lãi suất quá hạn: 15,3%/năm. Mục đích vay để sửa chữa nhà ở, phục vụ gia đình. Thời hạn vay là 12 tháng từ ngày 12/12/2018 đến 12/12/2019. Tuy nhiên trong quá trình trả nợ, ông T và bà L đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ - vi phạm cam kết trong hợp đồng đã ký kết nên Ngân hàng

buộc ông T và bà L phải thanh toán số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng là có cơ sở được chấp nhận.

[3] Đối với yêu cầu trả tiền lãi: Theo hợp đồng cho vay giữa Ngân hàng với ông T, bà L thì lãi suất vay: 10,20%/năm trên nợ gốc. Lãi suất nợ quá hạn: 15,30%/năm. Thỏa thuận này phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Do ông T và bà L vi phạm nghĩa vụ trả lãi nên Ngân hàng yêu cầu ông T và bà L trả tiền lãi trong hạn tính đến ngày 12/12/2019 là 5.113.973 đồng; tiền lãi quá hạn là 12.240.000 đồng và tiền lãi chậm trả là 414.800 đồng (tính từ ngày 13/12/2019 đến ngày xét xử 29/9/2020). Tổng tiền lãi phải trả là 17.768.773 đồng và còn phải trả lãi phát sinh từ ngày tiếp theo ngày xét xử cho đến khi trả hết nợ là phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2017 và Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ: Ông T và bà L đã thế chấp mảnh đất có diện tích 9.224,5m², thuộc thửa đất số 34, tờ bản đồ số 39. Đất tọa lạc tại tổ 1, ấp T, xã P, huyện Đ, tỉnh B có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: (CH) 01607/ xã Thuận Phú do UBND huyện Đồng Phú ký cấp ngày 03/7/2014 mang tên ông Phạm Hồng T và bà Dương Thị L và toàn bộ tài sản gắn liền với đất (nhà, cây trồng) hiện ông T, bà L đang quản lý, không có tranh chấp.

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 2018664/HĐTC ngày 11/12/2018, do Văn phòng Công chứng Hoàng Kim Vinh chứng thực ngày 11/12/2018 và được đăng ký thế chấp tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đồng Phú ngày 11/12/2018 nên hợp đồng này là hợp pháp và phát sinh hiệu lực, các bên có nghĩa vụ thực hiện hợp đồng. Trước đây và tại phiên tòa ông T, bà L cũng đồng ý để Ngân hàng phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ nếu không có tiền trả nợ. Do đó, trường hợp ông T và bà L không trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định tại Điều 321 Bộ luật dân sự năm 2015.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú về nội dung giải quyết vụ án tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của Ngân hàng được Tòa án chấp nhận nên ông T, bà L phải chịu. Tuy nhiên ông T, bà L có đơn xin miễn giảm án phí. Xét thấy ông T, bà L đều là người cao tuổi (trên 60 tuổi); có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có đơn xin miễn giảm án phí có xác nhận của chính quyền địa phương nên căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 miễn toàn bộ án phí cho ông Phạm Hồng T, bà Dương Thị L là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Các điều 288, 319, 321, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Các điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2017; Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Các điều 27, 37, 60 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng

Ông Phạm Hồng T, bà Dương Thị L phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền gốc đã vay là 100.000.000 đồng; tiền lãi là 17.768.773 đồng (gồm lãi trong hạn 5.113.973 đồng; tiền lãi quá hạn là 12.240.000 đồng và tiền lãi chậm trả là 414.800 đồng). Tổng số tiền gốc và lãi phải trả là 117.768.773 đồng (*Bằng chữ: Một trăm mười bảy triệu bảy trăm sáu mươi tám nghìn bảy trăm bảy mươi ba đồng*)

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử án sơ thẩm (ngày 29/9/2020), ông T và bà L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi và tiền lãi quá hạn phát sinh của số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số: 5600-LAV-201802858/HĐTD ngày 12/12/2018 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Trường hợp ông Phạm Hồng T, bà Dương Thị L không trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là mảnh đất có diện tích 9.224,5m², thuộc thửa đất số 34, tờ bản đồ số 39. Đất tọa lạc tại tổ 1, ấp T, xã P, huyện Đ, tỉnh B có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: (CH) 01607/ xã Thuận Phú do UBND huyện Đồng Phú ký cấp ngày 03/7/2014 mang tên ông Phạm Hồng T, bà Dương Thị L và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất theo hợp đồng thế chấp số 2018664/HĐTC ngày 11/12/2018 để thu hồi khoản nợ nói trên.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí dân sự cho ông Phạm Hồng T và bà Dương Thị L.

Hoàn trả cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 2.700.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004102, quyển sổ 0083 ngày 02/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Bản án (Quyết định) này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Đồng Phú;
- THADS huyện Đồng Phú;
- Các đương sự.
- Lưu;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ Tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hương